

CÔNG TY TNHH GMT VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GMT VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GMT VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GMT VINA CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108032991

3. Ngày thành lập: 23/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 49 ngõ 488 Trần Cung, TDP Hoàng 11, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986145858

Fax:

Email: Gmtvina1639@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
2.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
3.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
4.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
7.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
8.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
9.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
10.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
11.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
12.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
13.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
14.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
15.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
16.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
17.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610

18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
20.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
22.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
24.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
25.	Bốc xếp hàng hóa	5224
26.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
27.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
28.	Điều hành tua du lịch	7912
29.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
30.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
31.	Xây dựng nhà các loại	4100
32.	Xây dựng công trình công ích	4220
33.	Thu gom rác thải độc hại	3812
34.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
35.	Bán buôn gạo	4631
36.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634

37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
39.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá. - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Dịch vụ logistics: gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá	5229
42.	Cho thuê xe có động cơ	7710
43.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
44.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
45.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
46.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
47.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
48.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
49.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
50.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
51.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
53.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
55.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
56.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
57.	Phá dỡ	4311
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
60.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
61.	Đúc kim loại màu	2432
62.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
63.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
64.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
65.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
66.	Sản xuất nhạc cụ	3220
67.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
68.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
69.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
70.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
71.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
72.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
73.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
74.	Bán buôn tổng hợp	4690
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
76.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
77.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
78.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
79.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
80.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
81.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
82.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

83.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
84.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
85.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
86.	Tái chế phế liệu	3830
87.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
88.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
89.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
90.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
91.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
92.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
93.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
94.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
95.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
97.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
98.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
99.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
100.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
101.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
102.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

103.	Quảng cáo	7310
104.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
105.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
106.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
107.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
108.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
109.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
110.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
111.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
112.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
113.	Vận tải bằng xe buýt	4920
114.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
115.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
116.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
117.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
118.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
119.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
120.	Đúc sắt, thép	2431
121.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
122.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
123.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
124.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
125.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

126.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
127.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
128.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hoả, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
129.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
130.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
131.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
132.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
133.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
134.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
135.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
136.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
137.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
138.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
139.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
140.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
141.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
142.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
143.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
144.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
145.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
146.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
147.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
148.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
149.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
150.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
151.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
152.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

153.	Sản xuất đường	1072
154.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
155.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
156.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
157.	Sản xuất sợi	1311
158.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
159.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
160.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
161.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
162.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
163.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
164.	Sao chép bản ghi các loại	1820
165.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
166.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
167.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
168.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
169.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
170.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
171.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
172.	Sản xuất rượu vang	1102
173.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
174.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
175.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
176.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
177.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
178.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
179.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
180.	Đại lý du lịch	7911
181.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
182.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
183.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
184.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
185.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
186.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

187.	Dịch vụ đóng gói	8292
188.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
189.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
190.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
191.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
192.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
193.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
194.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
195.	In ấn	1811
196.	Bán buôn thực phẩm	4632
197.	Bán buôn đồ uống	4633
198.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
199.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
200.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
201.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
202.	Sản xuất giày dép	1520
203.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: DƯƠNG THỊ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 08/03/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 091764919

Ngày cấp: 12/06/2015

Nơi cấp: CA tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chùa, Xã Thành Công, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Chùa, Xã Thành Công, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DUƠNG THỊ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 08/03/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 091764919

Ngày cấp: 12/06/2015

Nơi cấp: CA tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Chùa, Xã Thành Công, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Chùa, Xã Thành Công, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội